

Ex 1: Điền dấu hiệu nhận biết (DHNB) của thì Quá khứ đơn và chia động từ trong ngoặc:

1. Yesterday it rained (rain).

DHNB: Yesterday

2. She ____ (help) me last weekend.

DHNB:

3. They ____ (open) the shop two hours ago.

DHNB:

4. We ____ (go) to Spain last summer.

DHNB:

5. She ____ (visit) her friend in 2011.

DHNB:

6. We ____ (see) the film last week.

DHNB:

7. The Olympic Games ____ (finish) last month.

DHNB:

8. The football match ____ (start) an hour ago

DHNB:

9. She ____ (send) the text message two minutes ago.

DHNB:

10. Emily and Lucy ____ (go) shopping yesterday.

DHNB:

Ex 2: Điền dấu hiệu nhận biết (DHNB) của thì Quá khứ đơn và chia động từ trong ngoặc:

1. _____ you _____ (visit) our uncle last Sunday? - DHNB:

2. He _____ (not eat) breakfast this morning. - DHNB:

3. I _____ (see) her at the supermarket two days ago. - DHNB:

4. They _____ (arrive) home at 8 p.m. yesterday. - DHNB:

5. _____ she _____ (buy) a new backpack in 2021? - DHNB:

6. The dog _____ (bark) loudly a few minutes ago. - DHNB:
7. We _____ (have) an English test last Friday. - DHNB:
8. Anna _____ (not send) an email to her teacher yesterday afternoon. - DHNB:
9. He _____ (go) to the dentist last Monday. - DHNB:
10. They _____ (not play) football the day before yesterday.